

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và phê duyệt báo cáo tài chính riêng	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 34

Công Ty
Cổ Phần
Thế Giới
Số

Digitally signed
by Công Ty Cổ
Phần Thế Giới
Số
Date:
2024.03.28
19:52:19
+07'00'

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kien Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Chủ tịch
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kien Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt
Bà Đặng Kien Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 28 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11540875/67466324

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1



Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.419.719.218.733	5.644.450.431.645
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.410.796.874.354	811.520.984.485
111	1. Tiền		147.336.959.163	265.520.413.906
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.263.459.915.191	546.000.570.579
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.017.318.232.324	1.609.117.932.518
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.723.415.850.009	1.394.277.072.982
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	28.287.066.814	28.233.367.279
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	260.060.000.000	191.269.520.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	49.134.925.843	38.641.937.351
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(43.579.610.342)	(43.303.965.094)
140	III. Hàng tồn kho	8	2.840.524.485.454	3.119.480.419.894
141	1. Hàng tồn kho		2.967.002.782.273	3.309.321.029.401
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(126.478.296.819)	(189.840.609.507)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		151.079.626.601	104.331.094.748
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	13.396.843.749	19.528.053.641
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		137.013.841.088	84.157.662.299
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		668.941.764	645.378.808
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		713.778.982.679	571.643.715.060
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.952.308.700	18.809.459.600
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	9.952.308.700	18.809.459.600
220	II. Tài sản cố định		97.646.873.084	91.313.410.041
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	35.989.772.940	30.231.866.767
222	Nguyên giá		75.465.935.339	62.901.684.522
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(39.476.162.399)	(32.669.817.755)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	61.657.100.144	61.081.543.274
228	Nguyên giá		70.096.550.692	66.677.865.692
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.439.450.548)	(5.596.322.418)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		12.851.081.940	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	12.851.081.940	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	493.843.332.380	361.784.987.375
251	1. Đầu tư vào công ty con		602.000.000.000	406.734.039.605
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		2.945.750.000	2.945.750.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(111.102.417.620)	(47.894.802.230)
260	V. Tài sản dài hạn khác		99.485.386.575	99.735.858.044
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	7.533.401.154	3.928.135.408
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	91.951.985.421	95.807.722.636
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.133.498.201.412	6.216.094.146.705

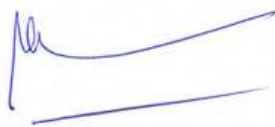
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.521.472.248.628	3.818.204.482.203
310	I. Nợ ngắn hạn		4.513.703.619.201	3.812.345.852.776
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	1.392.988.345.264	1.165.713.526.793
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	113.945.353.296	95.170.709.021
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	25.116.530.731	34.647.805.130
314	4. Phải trả người lao động		22.588.049.178	20.638.581.346
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	236.747.498.068	303.672.311.264
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	517.516.607.209	277.676.543.229
320	7. Vay ngắn hạn	18	2.204.801.235.455	1.914.826.375.993
330	II. Nợ dài hạn		7.768.629.427	5.858.629.427
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	7.768.629.427	5.858.629.427
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.612.025.952.784	2.397.889.664.502
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	2.612.025.952.784	2.397.889.664.502
411	1. Vốn cổ phần		1.672.244.430.000	1.632.299.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.672.244.430.000	1.632.299.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.439.937.166)	(6.302.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		884.587.698.534	710.259.410.252
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		543.186.436.252	23.473.326.342
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		341.401.262.282	686.786.083.910
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.133.498.201.412	6.216.094.146.705



Trần Quốc Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	17.749.457.779.651	21.863.911.529.828
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(39.346.461.300)	(118.019.739.136)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	17.710.111.318.351	21.745.891.790.692
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(16.346.599.871.168)	(20.131.869.750.916)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.363.511.447.183	1.614.022.039.776
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	201.450.654.580	210.597.673.587
22	7. Chi phí tài chính	23	(192.388.631.534)	(166.457.513.014)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(115.035.789.160)	(91.546.571.117)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(816.301.107.293)	(676.670.696.743)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(128.806.052.074)	(117.501.838.720)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		427.466.310.862	863.989.664.886
31	11. Thu nhập khác		4.685.024.900	1.884.894.559
32	12. Chi phí khác		(4.676.240.530)	(5.857.618.273)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		8.784.370	(3.972.723.714)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		427.475.095.232	860.016.941.172
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(82.218.095.735)	(175.027.749.521)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.3	(3.855.737.215)	1.796.892.259
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		341.401.262.282	686.786.083.910



Trần Quốc Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		427.475.095.232	860.016.941.172
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	9.955.335.293	7.749.812.387
03	Các khoản dự phòng		120.947.950	193.874.660.810
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.872.651.571)	(2.520.254.210)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(83.904.542.847)	(48.394.249.784)
06	Chi phí lãi vay	23	115.035.789.160	91.546.571.117
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		465.809.973.217	1.102.273.481.492
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(384.214.866.052)	433.520.605.111
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		342.318.247.128	(494.117.053.618)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		433.400.077.297	(1.692.691.483.500)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.525.944.146	(11.548.798.282)
14	Lãi vay đã trả		(123.937.115.048)	(81.005.356.010)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(91.553.399.674)	(211.359.875.108)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		644.348.861.014	(954.928.479.915)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(29.151.667.530)	(7.077.035.154)
23	Tiền chi cho vay		(462.680.000.000)	(332.098.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		335.639.520.000	147.228.480.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(137.015.960.395)	(261.550.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		83.916.330.101	49.900.797.764
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(209.291.777.824)	(403.595.757.390)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	19.1	40.000.000.000	22.000.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(192.000.000)	(30.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		10.310.106.151.650	9.942.637.010.218
34	Tiền trả nợ gốc vay		(10.018.622.370.971)	(9.145.283.375.752)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(167.072.974.000)	(90.597.556.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		164.218.806.679	728.726.078.466

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		599.275.889.869	(629.798.158.839)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		811.520.984.485	1.441.319.143.324
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.410.796.874.354	811.520.984.485



Trần Quốc Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 467 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 474).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để ngày 28 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	21 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 7 năm
Phương tiện vận tải	5 – 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 – 5 năm
Phần mềm máy tính	2 – 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	433.052.000	142.177.023
Tiền gửi ngân hàng	146.903.907.163	265.378.236.883
Các khoản tương đương tiền (*)	1.263.459.915.191	546.000.570.579
TỔNG CỘNG	1.410.796.874.354	811.520.984.485

(*) Các khoản tương đương tiền vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

- khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 300.000.000.000 VND tại công ty chứng khoán có kỳ hạn không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng; và
- các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và ngân hàng trị giá 963.459.915.191 VND. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 5,2%/ năm đến 6,6%/ năm. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã bán các khoản đầu tư vào trái phiếu này.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	1.657.573.397.389	1.348.471.402.919
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hoàng Hà	200.281.069.672	168.911.423.040
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Kỹ thuật Diệu Phúc	140.704.911.748	38.483.072.331
- Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	140.169.916.930	80.258.767.760
- Khác	1.176.417.499.039	1.060.818.139.788
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)	65.842.452.620	45.805.670.063
TỔNG CỘNG	1.723.415.850.009	1.394.277.072.982
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.705.510.850)	(10.429.865.602)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.712.710.339.159	1.383.847.207.380

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Địa ốc Ngân Hiệp	13.487.921.046	-
Công ty TNHH Công Nghệ Huawei Việt Nam	4.058.241.911	1.498.998.482
Acer Incorporated	-	16.883.046.140
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	869.076.000	3.759.835.186
Khác	9.871.827.857	6.091.487.471
TỔNG CỘNG	28.287.066.814	28.233.367.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	118.760.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	Từ 4,5 đến 5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Achison	65.000.000.000	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 3 năm 2024	Từ 5,8 đến 6,7	Tín chấp
Công ty Cổ phần Việt Money	47.800.000.000	Từ ngày 18 tháng 9 năm 2023 đến ngày 12 tháng 6 năm 2024	Từ 10,95 đến 12	Tín chấp
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	28.500.000.000	Từ ngày 11 tháng 8 năm 2024 đến ngày 6 tháng 12 năm 2024	Từ 4,5 đến 6	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>260.060.000.000</u>			
Trong đó:				
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)	260.060.000.000			

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	
Ngắn hạn	49.134.925.843	38.641.937.351
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd	32.874.099.492	32.874.099.492
Đặt cọc, ký quỹ	4.047.177.712	1.393.218.556
Tạm ứng cho nhân viên	298.576.245	295.952.278
Khác	11.915.072.394	4.078.667.025
Dài hạn	9.952.308.700	18.809.459.600
Đặt cọc, ký quỹ	9.952.308.700	18.809.459.600
TỔNG CỘNG	59.087.234.543	57.451.396.951
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.874.099.492)	(32.874.099.492)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>26.213.135.051</u>	<u>24.577.297.459</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	2.512.305.239.304	2.624.186.033.240
Hàng mua đang đi đường	414.111.813.586	636.436.857.171
Hàng gửi đi bán	8.483.687.933	16.219.946.795
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.102.041.450	32.478.192.195
TỔNG CỘNG	2.967.002.782.273	3.309.321.029.401
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(126.478.296.819)	(189.840.609.507)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.840.524.485.454	3.119.480.419.894

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	13.396.843.749	19.528.053.641
Chi phí hoạt động	8.158.822.912	12.529.631.115
Chi phí thuê	5.137.011.569	2.649.643.223
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	101.009.268	4.348.779.303
Dài hạn	7.533.401.154	3.928.135.408
Chi phí hoạt động	6.075.176.856	2.086.170.815
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.458.224.298	1.841.964.593
TỔNG CỘNG	20.930.244.903	23.456.189.049

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	21.183.180.735	5.629.832.427	32.568.078.798	3.520.592.562	62.901.684.522
Mua mới	-	124.075.989	12.476.741.817	281.082.784	12.881.900.590
Xóa sổ	-	(59.174.351)	-	(258.475.422)	(317.649.773)
Số cuối năm	21.183.180.735	5.694.734.065	45.044.820.615	3.543.199.924	75.465.935.339
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	4.384.368.516	6.427.054.735	2.589.007.140	13.400.430.391
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(11.363.291.966)	(4.857.776.452)	(13.563.148.311)	(2.885.601.026)	(32.669.817.755)
Khấu hao trong năm	(853.605.089)	(467.367.000)	(5.598.255.122)	(192.979.952)	(7.112.207.163)
Xóa sổ	-	59.174.351	-	246.688.168	305.862.519
Số cuối năm	(12.216.897.055)	(5.265.969.101)	(19.161.403.433)	(2.831.892.810)	(39.476.162.399)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	9.819.888.769	772.055.975	19.004.930.487	634.991.536	30.231.866.767
Số cuối năm	8.966.283.680	428.764.964	25.883.417.182	711.307.114	35.989.772.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	57.382.176.180	9.295.689.512	66.677.865.692
Mua mới	-	3.418.685.000	3.418.685.000
Số cuối năm	57.382.176.180	12.714.374.512	70.096.550.692
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	2.194.005.963	2.194.005.963
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(5.596.322.418)	(5.596.322.418)
Hao mòn trong năm	-	(2.843.128.130)	(2.843.128.130)
Số cuối năm	-	(8.439.450.548)	(8.439.450.548)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	57.382.176.180	3.699.367.094	61.081.543.274
Số cuối năm	57.382.176.180	4.274.923.964	61.657.100.144

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phần mềm máy tính	12.851.081.940	-	

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
						Tỷ lệ Quyền Lợi biểu ích quyết
Đầu tư vào công ty con trực tiếp						
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture (*)	602.000.000.000	(111.102.417.620)	490.897.582.380	100	100	406.734.039.605 (47.894.802.230) 358.839.237.375
Đầu tư vào công ty liên kết trực tiếp						
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	2.945.750.000	-	2.945.750.000	49,1	25	2.945.750.000
TỔNG CỘNG	604.945.750.000	(111.102.417.620)	493.843.332.380	409.679.789.605	(47.894.802.230)	361.784.987.375

(*) Công ty TNHH MTV Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Số 195 – 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 195.265.960.395 VND vào Venture từ nguồn:

- Tiền trị giá 93.515.960.395 VND; và
- Chuyển đổi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trị giá 101.750.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	1.378.416.337.223	1.165.713.526.793
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	544.112.489.312	742.562.669.000
- Xiaomi H.K Limited	352.244.760.091	92.174.288.230
- Asus Global Pte. Ltd	156.109.891.004	177.987.134.166
- Khác	340.521.204.857	152.989.435.397
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	756.793.785	-
TỔNG CỘNG	1.392.988.345.264	1.165.713.526.793

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xiaomi H.K Limited	83.633.572.288	82.372.732.130
Khác	30.311.781.008	12.797.976.891
TỔNG CỘNG	113.945.353.296	95.170.709.021

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.251.613.786	82.218.095.735	(91.553.399.674)	24.916.309.847
Thuế giá trị gia tăng	-	3.715.162.281.354	(3.715.162.281.354)	-
Thuế thu nhập cá nhân	396.191.344	7.117.458.936	(7.313.429.396)	200.220.884
Thuế khác	-	1.680.994.219	(1.680.994.219)	-
TỔNG CỘNG	34.647.805.130	3.806.178.830.244	(3.815.710.104.643)	25.116.530.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	224.928.472.629	281.304.824.430
Chi phí hoạt động	7.778.002.659	9.425.138.166
Lãi vay	4.041.022.780	12.942.348.668
TỔNG CỘNG	236.747.498.068	303.672.311.264

17. PHẢI TRẢ KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	517.516.607.209	277.676.543.229
UPAS L/C (*)	502.415.914.000	257.895.308.000
Chi trả hộ	12.523.927.784	15.826.411.176
Bảo hiểm	2.349.974.784	2.361.379.111
Khác	226.790.641	1.593.444.942
Dài hạn	7.768.629.427	5.858.629.427
Nhận ký quỹ, ký cược	7.768.629.427	5.858.629.427
TỔNG CỘNG	525.285.236.636	283.535.172.656

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Vay ngân hàng	1.914.826.375.993	10.309.861.347.995	(10.019.886.488.533)	2.204.801.235.455
Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:				
Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	
	VND			
Ngân Hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	630.786.740.595	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 3 năm 2024	Từ 3,5 đến 3,8	
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	509.974.716.265	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024 đến ngày 20 tháng 3 năm 2024	Từ 3,3 đến 4,1	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	497.682.745.660	Từ ngày 29 tháng 2 năm 2024 đến ngày 4 tháng 4 năm 2024	3,5	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	369.759.819.269	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2024 đến ngày 11 tháng 3 năm 2024	3	
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	181.733.710.066	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2024 đến ngày 27 tháng 9 năm 2024	3	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	14.863.503.600	Ngày 21 tháng 3 năm 2024	4,3	
TỔNG CỘNG	2.204.801.235.455			

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	885.520.250.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	838.850.062.342	1.779.731.136.592
Phát hành cổ phiếu ESOP	22.000.000.000	-	-	-	-	22.000.000.000
Mua lại cổ phiếu trong năm	-	-	(30.000.000)	-	-	(30.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(90.597.556.000)	(90.597.556.000)
Phát hành cổ phiếu thưởng	724.779.180.000	-	-	-	(724.779.180.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	686.786.083.910	686.786.083.910
Số cuối năm	1.632.299.430.000	61.233.761.416	(6.302.937.166)	400.000.000	710.259.410.252	2.397.889.664.502
Năm nay						
Số đầu năm	1.632.299.430.000	61.233.761.416	(6.302.937.166)	400.000.000	710.259.410.252	2.397.889.664.502
Mua lại cổ phiếu trong năm (i)	(55.000.000)	-	(137.000.000)	-	-	(192.000.000)
Phát hành cổ phiếu ESOP (ii)	40.000.000.000	-	-	-	-	40.000.000.000
Cổ tức công bố (iii)	-	-	-	-	(167.072.974.000)	(167.072.974.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	341.401.262.282	341.401.262.282
Số cuối năm	1.672.244.430.000	61.233.761.416	(6.439.937.166)	400.000.000	884.587.698.534	2.612.025.952.784

(i) Vào ngày 14 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 10/2022/NQ-HĐQT về việc mua lại 3.000 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của những nhân viên nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ, với giá mua là 10.000 VND/ cổ phiếu. Vào ngày 12 tháng 5 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc mua lại này.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 10/2023/NQ-HĐQT về việc mua lại 2.500 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của những nhân viên nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ, với giá mua là 10.000 VND/ cổ phiếu. Vào ngày 5 tháng 4 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc mua lại này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 26 tháng 4 năm 2023, các Cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ("Nghị quyết 02") về việc giảm vốn cổ phần từ 1.632.299.430.000 VND xuống còn 1.632.244.430.000 VND, do Công ty mua lại 5.500 cổ phiếu nói trên. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 30 do SKHĐT cấp ngày 29 tháng 5 năm 2023, về việc giảm vốn cổ phần của Công ty còn 1.632.244.430.000 VND.
- (ii) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 44/2022/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2022 và Nghị Quyết số 48/2022/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 12 năm 2022 về việc phát hành 4.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 10.000 VND/ cổ phiếu.
- Vào ngày 12 tháng 1 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 4.000.000 cổ phiếu này. Vào ngày 10 tháng 10 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do SKHĐT cấp ngày 9 tháng 11 năm 2023, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 1.672.244.430.000 VND.
- (iii) Căn cứ vào Nghị quyết 02, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 27/2023/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 10 năm 2023 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 1.000 VND) với tổng số tiền là 167.072.974.000 VND.

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.632.299.430.000	885.520.250.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	40.000.000.000	22.000.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	724.779.180.000
Mua lại cổ phiếu trong năm	(55.000.000)	-
Số cuối năm	1.672.244.430.000	1.632.299.430.000
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức công bố	167.072.974.000	90.597.556.000
Cổ tức đã trả	167.072.974.000	90.597.556.000

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	167.224.443	163.229.943
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	167.224.443	163.229.943
Cổ phiếu phổ thông	167.224.443	163.229.943
Cổ phiếu quỹ	168.169	154.469
Cổ phiếu phổ thông	168.169	154.469
Cổ phiếu đang lưu hành	167.056.274	163.075.474
Cổ phiếu phổ thông	167.056.274	163.075.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	17.749.457.779.651	21.863.911.529.828
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	17.327.885.458.803	21.440.833.023.962
Doanh thu cung cấp dịch vụ	421.572.320.848	423.078.505.866
Các khoản giảm trừ doanh thu	(39.346.461.300)	(118.019.739.136)
DOANH THU THUẦN	17.710.111.318.351	21.745.891.790.692
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	17.288.538.997.503	21.322.813.284.826
Doanh thu cung cấp dịch vụ	421.572.320.848	423.078.505.866

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	69.674.176.663	78.696.397.120
Lãi trái phiếu	65.827.222.396	40.465.099.168
Chiết khấu thanh toán	46.652.720.029	81.796.679.168
Lãi từ cho vay và tiền gửi ngân hàng	17.568.623.953	7.451.032.051
Cổ tức được chia	1.469.744.271	681.846.283
Khác	258.167.268	1.506.619.797
TỔNG CỘNG	201.450.654.580	210.597.673.587

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	16.024.465.952.036	19.785.167.357.087
Giá vốn dịch vụ cung cấp	322.133.919.132	346.702.393.829
TỔNG CỘNG	16.346.599.871.168	20.131.869.750.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	816.301.107.293	676.670.696.743
Chi phí hỗ trợ bán hàng	658.510.625.691	524.166.657.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.334.955.591	60.222.689.112
Chi phí nhân công	52.259.378.460	45.344.859.191
Chi phí vận chuyển	33.422.380.680	36.376.969.017
Khác	9.773.766.871	10.559.522.070
Chi phí quản lý doanh nghiệp	128.806.052.074	117.501.838.720
Chi phí nhân công	56.572.492.148	51.800.472.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.816.969.027	16.322.666.543
Khác	53.416.590.899	49.378.699.596
TỔNG CỘNG	945.107.159.367	794.172.535.463

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	115.035.789.160	91.546.571.117
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.671.008.830	46.301.085.988
Dự phòng đầu tư	63.207.615.390	26.975.237.546
Khác	474.218.154	1.634.618.363
TỔNG CỘNG	192.388.631.534	166.457.513.014

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	16.346.599.871.168	20.131.869.750.916
Chi phí hỗ trợ bán hàng	658.510.625.691	524.166.657.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.574.305.298	112.922.324.672
Chi phí nhân công	108.831.870.608	97.145.331.772
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	9.955.335.293	7.749.812.387
Chi phí khác	53.235.022.477	52.188.409.279
TỔNG CỘNG	17.291.707.030.535	20.926.042.286.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	82.218.095.735	175.027.749.521
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	3.855.737.215	(1.796.892.259)
TỔNG CỘNG	86.073.832.950	173.230.857.262

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	427.475.095.232	860.016.941.172
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	85.495.019.046	172.003.388.234
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được trừ	785.854.416	1.325.455.413
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(293.948.854)	(136.369.257)
Lợi nhuận chưa ghi nhận thuộc diện nộp thuế TNDN	86.908.342	38.382.872
Chi phí thuế TNDN	86.073.832.950	173.230.857.262

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

			VND	
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả	47.349.499.613	51.174.297.369	(3.824.797.756)	(37.221.420.058)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	25.295.659.364	37.968.121.901	(12.672.462.537)	33.623.264.808
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	19.306.826.444	6.665.303.366	12.641.523.078	5.395.047.509
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	91.951.985.421	95.807.722.636		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(3.855.737.215)	1.796.892.259

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiên Phương	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên HĐQT/ Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên HĐQT/ Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CSV Healthcare	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV DPharma	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Việt Money Holdings	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

				VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cho vay	276.380.000.000	35.300.000.000
		Thu tiền cho vay	186.420.000.000	-
		Lãi cho vay	5.752.933.848	-
		Bán hàng hóa	1.765.958.704	16.007.416.579
		Mua hàng hóa	1.449.468.826	14.483.299
		Cung cấp dịch vụ	-	383.482.494
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Góp vốn	195.265.960.395	261.550.000.000
		Thu tiền cho vay	101.750.000.000	-
		Cho vay	44.000.000.000	57.750.000.000
		Lãi cho vay	2.225.587.773	-
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	130.549.315.164	213.661.958.645
		Thu tiền cho vay	82.000.000.000	-
		Mua hàng hóa	38.518.511.116	564.809.700.846
		Cho vay	37.500.000.000	190.000.000.000
		Mua dịch vụ	3.709.898.471	4.992.049.586
		Lãi cho vay	3.260.016.439	-
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ	251.092.273	5.037.764.791
		Cho vay	77.000.000.000	-
		Bán hàng hóa	28.693.599.283	-
		Thu tiền cho vay	12.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Lãi cho vay	1.064.578.630	-
		Bán hàng hóa	62.117.589.189	68.060.484.212
		Thu tiền cho vay	3.719.520.000	-
		Cung cấp dịch vụ	594.774.200	-
		Lãi cho vay	423.630.144	318.018.960
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Công ty con gián tiếp	Cho vay	-	6.048.000.000
		Thu tiền cho vay	8.000.000.000	-
		Mua dịch vụ	4.935.075.678	-
		Lãi cho vay	297.068.493	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Công ty liên kết trực tiếp	Cho vay	-	8.000.000.000
		Cổ tức nhận được	1.469.744.271	681.846.283
		Cung cấp dịch vụ	18.333.334	-
		Mua dịch vụ	36.000.000	164.500.000
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp	Cho vay	-	35.000.000.000
		Lãi cho vay	-	96.104.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	45.396.016.486	16.413.161.437
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	12.316.726.372	26.029.110.258
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	8.129.709.762	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	-	3.363.398.368
			65.842.452.620	45.805.670.063
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cho vay	118.760.000.000	28.800.000.000
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Cho vay	65.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp	Cho vay	47.800.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cho vay	28.500.000.000	73.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Cho vay	-	57.750.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Công ty con gián tiếp	Cho vay	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cho vay	-	3.719.520.000
			260.060.000.000	191.269.520.000
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	756.793.785	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ như sau:

Tên	Chức vụ	Thù lao	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	178.033.000	199.683.000
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	174.809.000	193.430.000
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	174.809.000	193.430.000
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	120.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG		767.651.000	826.543.000

VND

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	SỐ CUỐI NĂM	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	44.441.030.340	41.846.938.800
Từ 1 đến 5 năm	115.254.115.279	98.479.049.200
Trên 5 năm	6.901.269.606	3.106.139.400
TỔNG CỘNG	166.596.415.225	143.432.127.400

VND

Bảo lãnh

Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology với số tiền tối đa là 230.000.000.000 VND.

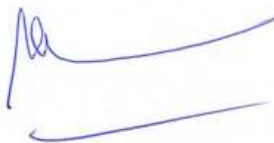
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Quốc Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

11
E
r

